

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2018
của Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước và Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017;

Căn cứ Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2018 của Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh; Quyết định số 248/QĐ-BQLDA ngày 27/12/2018 của Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2018;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 196/TTr-STC ngày 24/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2018 của Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh như sau:

1. Quyết toán chi phí quản lý dự án do Ban QLDA thực hiện thuộc phần vốn đối ứng dự án GIZ: Số tiền 435.800.000 đồng.

Đvt: đồng

Nội dung	Số tiền
1. Quyết toán nguồn thu	435.800.000
a. Ban QLDA Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn (BQLDA nhóm I)	147.175.147
- Năm 2014	85.800.997
- Năm 2015	61.374.150
b. Ban QLDA các công trình trọng điểm tỉnh Bình Định (BQLDA nhóm II) năm 2016	276.944.853
c. Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh (BQLDA nhóm	11.680.000

II)	
Năm 2016 (Đã phê duyệt quyết toán thu, chi theo Quyết định số 2437/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh)	11.680.000
2. Quyết toán các khoản chi	435.800.000
a. Ban QLDA Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn (BQLDA nhóm I)	147.175.147
b. Ban QLDA các công trình trọng điểm tỉnh Bình Định (BQLDA nhóm II)	276.944.853
- Nội dung chi không tách được chi tiết (Năm 2015, 2016)	251.944.853
- Chi khác (Chi hỗ trợ cho hộ dân năm 2016)	25.000.000
c. Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh năm 2016 (đã có Quyết định số 2437/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán thu, chi năm 2016 của Ban QLDA)	11.680.000
3. Kinh phí chuyển năm sau	0

(Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Vốn đối ứng ngân sách tỉnh cho dự án Thoát nước và chống ngập úng tại các đô thị quy mô vừa vùng Duyên hải Việt Nam (GIZ).

2. Quyết toán thu, chi từ hoạt động Ban QLDA: Số tiền 7.182.032.000 đồng.

Đvt: đồng

Nội dung	Số tiền
1. Quyết toán nguồn thu	7.182.032.000
- Nguồn được trích theo kế hoạch	3.721.844.000
- Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	0
- Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn đã trừ các khoản thuế phải nộp	972.971.000
- Nguồn thu từ hoạt động Ủy thác quản lý dự án bao gồm các khoản thuế phải nộp	2.586.264.000
- Các khoản thu bị xuất toán giảm trừ	-99.047.000
2. Quyết toán các khoản chi	3.653.935.025

ph2

- Chi thường xuyên	3.653.935.025
- Chi không thường xuyên	0
3. Quyết toán trích lập quỹ	3.528.096.975
- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	882.024.244
- Quỹ bổ sung thu nhập	2.156.307.717
- Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	489.765.014
4. Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	0

(Chi tiết theo phụ lục số 02 đính kèm)

3. Phân bổ giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án năm 2018 cho các dự án: số tiền 7.182.032.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 03 đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn thu chi phí quản lý dự án, nguồn thu từ hoạt động ủy thác quản lý dự án, dịch vụ tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh.

4. Đồng ý với các kiến nghị, đề xuất của Sở Tài chính tại Tờ trình số 196/TTr-STC ngày 24/4/2019, cụ thể:

a) Đồng ý cho phép quyết toán khoản kinh phí 147.175.147 đồng thuộc phần vốn đối ứng dự án GIZ do Ban QLDA Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn thực hiện năm 2014, năm 2015 (Ban QLDA nhóm I) gồm các khoản chi thường xuyên: Các khoản phụ cấp lương, thanh toán dịch vụ công cộng, chi mua vật tư văn phòng, chi thanh toán thông tin tuyên truyền, chi hội nghị và chi phí khác.

b) Đồng ý cho phép quyết toán khoản chi phí 251.944.853 đồng chi thường xuyên thuộc phần vốn đối ứng dự án GIZ do Ban QLDA các công trình trọng điểm tỉnh thực hiện năm 2015, năm 2016 (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước tỉnh). Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số tiền đề nghị quyết toán.

c) Thu hồi nộp ngân sách Nhà nước số tiền 8.400.000 đồng là khoản thu thêm tiền chuyển phát hồ sơ mời thầu, đơn vị đã thu riêng khoản tiền này (chưa sử dụng) không có trong quy định tại Thông tư số 190/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.

Điều 2. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt tại Điều 1, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán kinh phí theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT P.C.Thắng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K7, K14. /



**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng

Phụ lục 1

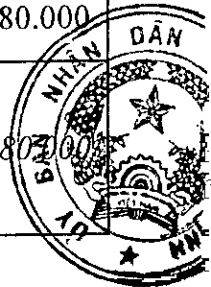
Quyết toán chi phí quản lý dự án do Ban QLDA thực hiện thuộc phần vốn đối ứng dự án GIZ

(Kèm theo Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 03/ 5/2019 của UBND tỉnh)

1. Quyết toán nguồn thu:

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Quyết toán
	Tổng cộng	435.800.000	435.800.000
	Nguồn được trích theo kế hoạch	435.800.000	435.800.000
1	Ban QLDA Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn	147.175.147	147.175.147
	Năm 2014	85.800.997	85.800.997
	Năm 2015	61.374.150	61.374.150
2	Ban QLDA các công trình trọng điểm tỉnh Bình Định	276.944.853	276.944.853
	Nội dung chi không tách được chi tiết (Năm 2015, 2016)	251.944.853	251.944.853
	Chi khác (Chi hỗ trợ cho hộ dân năm 2016)	25.000.000	25.000.000
3	Ban QLDA dân dụng và công nghiệp tỉnh Bình Định	11.680.000	11.680.000
	Năm 2016 (Đã có QĐ số 2437/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh v/v phê duyệt QT thu, chi CP quản lý dự án)	11.680.000	11.680.000



2. Quyết toán các khoản chi:

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Quyết toán
	Tổng cộng	435.800.000	435.800.000
1	Ban QLDA Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn	147.175.147	147.175.147
	Năm 2014	85.800.997	85.800.997
	Năm 2015	61.374.150	61.374.150
2	Ban QLDA các công trình trọng điểm tỉnh Bình Định	276.944.853	276.944.853
	Nội dung chi không tách được chi tiết (Năm 2015, 2016)	251.944.853	251.944.853
	Chi khác (Chi hỗ trợ cho hộ dân năm 2016)	25.000.000	25.000.000
3	Ban QLDA dân dụng và công nghiệp tỉnh Bình Định	11.680.000	11.680.000

ph

Năm 2016 (Đã có QĐ số 2437/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh v/v phê duyệt QT thu, chi CP quản lý dự án)	11.680.000	11.680.000
---	------------	------------

2.1 Ban QLDA Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn
Năm 2014:

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Quyết toán
	Tổng cộng	85.800.997	85.800.997
I	Chi thường xuyên	85.800.997	85.800.997
1	Các khoản phụ cấp lương	74.796.000	74.796.000
2	Thanh toán dịch vụ công cộng	5.329.909	5.329.909
3	Chi mua vật tư văn phòng	1.746.000	1.746.000
4	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	2.509.288	2.509.288
5	Chi hội nghị	1.400.000	1.400.000
6	Chi công tác phí	-	-
7	Chi thuê mướn	-	-
8	Chi phí khác	19.800	19.800
II	Chi không thường xuyên	-	-

Năm 2015:

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Quyết toán
	Tổng cộng	61.374.150	61.374.150
I	Chi thường xuyên	61.374.150	61.374.150
1	Các khoản phụ cấp lương	45.467.550	45.467.550
2	Thanh toán dịch vụ công cộng	7.000.000	7.000.000
3	Chi mua vật tư văn phòng	4.000.000	4.000.000
4	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	4.900.000	4.900.000
5	Chi hội nghị	-	-
6	Chi công tác phí	-	-
7	Chi thuê mướn	-	-
8	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	-	-
9	Chi phí khác	6.600	6.600
II	Chi không thường xuyên	-	-

2.2 Ban QLDA các công trình trọng điểm tỉnh Bình Định

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Quyết toán
	Tổng cộng	276.944.853	276.944.853
1	Chi thường xuyên	276.944.853	276.944.853
	<i>Nội dung chi không tách được chi tiết (Năm 2015, 2016)</i>	251.944.853	251.944.853
	<i>Chi khác (Chi hỗ trợ cho hộ dân năm 2016)</i>	25.000.000	25.000.000
2	Chi không thường xuyên	-	-

2.3 Ban QLDA dân dụng và công nghiệp tỉnh Bình Định
Năm 2016:

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Quyết toán
	Tổng cộng	11.680.000	11.680.000
I	<i>Chi thường xuyên (Đã phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 2437/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh)</i>	11.680.000	11.680.000
II	Chi không thường xuyên	-	-

Phụ lục 2

Quyết toán thu, chi từ hoạt động quản lý dự án năm của ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 03/ 5/2019 của UBND tỉnh)

1. Quyết toán nguồn thu

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Quyết toán
A	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>12.781.966.450</u>	<u>7.182.032.000</u>
I	Nguồn được trích theo kế hoạch	6.557.879.000	3.721.844.000
1	Nguồn vốn ngân sách	2.200.000.000	2.072.009.000
1.1	<i>Dự án Trung tâm hội nghị của tỉnh</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
1.2	<i>Dự án Mở rộng Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn</i>	<i>1.300.000.000</i>	<i>1.172.009.000</i>
1.3	<i>Dự án Xây dựng mới Nhà hát nghệ thuật truyền thống tỉnh Bình Định</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>
1.4	<i>Dự án Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định, Hạng mục: Khu điều trị và chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>
2	Nguồn vốn đối ứng các dự án ODA	2.950.165.000	1.500.000.000
	<i>Dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án TP. Quy Nhơn</i>	<i>2.950.165.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
3	Nguồn vốn nhà đầu tư thanh toán theo dự án BT	1.407.714.000	149.835.000
3.1	<i>Dự án đầu tư xây dựng đường Điện Biên Phủ (nối dài)</i>	<i>673.763.000</i>	<i>-</i>
3.2	<i>Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước Hồ Phú Hòa</i>	<i>584.116.000</i>	<i>-</i>
3.3	<i>Dự án tuyến đường Long Vân - Long Mỹ (Ban QLDA Giao thông chi trả)</i>	<i>149.835.000</i>	<i>149.835.000</i>
II	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	-	-
III	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn đã trừ các khoản thuế phải nộp	1.881.867.900	972.971.000
1	<i>Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC phục vụ dự án tuyến Quốc lộ 19 trên địa bàn xã Phước Lộc (thôn Phong Tấn) huyện Tuy Phước</i>	<i>357.139.100</i>	<i>234.517.950</i>



2	Khu TĐC đô đông Nhơn Bình - Phục vụ dự án tuyến quốc lộ 19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao quốc lộ 1A)	692.359.050	423.063.500
3	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu giám sát và gói thầu xây dựng và thiết bị công trình: Mở rộng trung tâm y tế huyện Hoài Nhơn	103.083.550	103.083.550
4	Trụ sở PGD Bình Dương trực thuộc Agribank chi nhánh huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	38.691.600	38.691.600
5	Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	34.421.350	33.238.600
6	Hạ tầng kỹ thuật khu vực Trung đoàn vận tải 655, phường Nguyễn Văn Cừ, TP.Quy Nhơn	326.819.000	-
7 4	Tổ hợp Không gian khoa học, bao gồm Nhà mô hình vũ trụ và Bảo tàng khoa học	105.425.000	-
8	Xây dựng lại trụ cờ gắn với hoa viên dưới chân trụ cờ phía trước nhà làm việc UBND tỉnh	21.589.700	21.589.700
9	Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc quốc lộ 1D	12.793.650	12.793.650
10	Tư vấn lập HSYC và phân tích đánh giá HSĐX thi công xây dựng công trình: Xây dựng mới nhà 02 tầng, Dự án mở rộng trụ sở Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bình Định	7.296.000	7.296.000
11	Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định	3.977.650	-
12	Xây dựng mới nhà làm việc 2A Trần Phú, TP.Quy Nhơn	2.856.650	-
13	Sửa chữa, trang bị nội thất phòng họp tại tầng 3 Khu nhà B, Văn phòng UBND tỉnh	26.148.750	-
14	Đầu tư mua sắm, lắp đặt bàn ghế, máy móc, trang bị Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định	50.570.400	-
15	Dự án Sửa chữa Văn phòng làm việc Hội đồng nhân dân tỉnh	98.696.450	98.696.450
IV	Nguồn thu từ hoạt động Ủy thác quản lý dự án bao gồm các khoản thuế phải nộp	4.333.819.550	2.586.264.000
1	Trụ sở làm việc Kho bạc nhà nước Vĩnh Thạnh	259.282.000	-

2	Xây dựng trụ sở làm việc Chi cục thuế TP Quy Nhơn	417.557.000	208.778.000
3	Ủy thác QLDA các công trình do Sở Y tế làm chủ đầu tư	287.701.550	144.252.000
4	Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định	184.141.000	178.290.000
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2 thuộc khu vực 1, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn	270.696.000	189.487.000
6	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất dọc đường Hoa Lư nổi dài	47.865.000	-
7	Trường trung học phổ thông chuyên phía Bắc tỉnh	154.554.000	154.554.000
8	Trường THPT chuyên Chu Văn An; Hạng mục: Ký túc xá, nhà ăn và bếp (thu tạm ứng)	100.000.000	100.000.000
9	Xây dựng lại trụ cò gắn với hoa viên dưới chân trụ cò phía trước nhà làm việc UBND tỉnh	10.321.000	10.321.000
10	Sửa chữa Văn phòng làm việc Hội đồng nhân dân tỉnh	36.773.000	36.773.000
11	Mở rộng trụ sở Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bình Định, hạng mục: Xây dựng mới nhà hai tầng	51.212.000	25.337.000
12	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Chi cục thuế huyện Tuy Phước	417.093.000	324.406.000
13	Trụ sở làm việc Cục Hải quan tỉnh Bình Định	416.000.000	416.000.000
14	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc Cục Thống kê tỉnh (thu tạm ứng)	86.676.000	86.676.000
15	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp và mua sắm trang thiết bị tại Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	370.303.000	-
16	Trụ sở Bảo hiểm xã hội thị xã An Nhơn	121.717.000	121.717.000
17	Tổ hợp Không gian khoa học, bao gồm Nhà mô hình vũ trụ và Bảo tàng khoa học	152.488.000	-
18	Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc quốc lộ 1D	306.129.000	-
19	Khu tái định cư xã Phước Mỹ, TP Quy Nhơn phục vụ dự án đường phía tây tỉnh (ĐT.638) đoạn KM130+00 - KM137+580	228.910.000	228.910.000

20	Khu TĐC phường Bùi Thị Xuân, TP Quy Nhơn phục vụ dự án đường phía tây tỉnh (ĐT.638), đoạn KM130+00 - KM137+580	230.443.000	230.443.000
21	Sửa chữa, trang bị nội thất phòng họp tại tầng 3 Khu nhà B, Văn phòng UBND tỉnh	27.754.000	27.754.000
22	Đầu tư mua sắm, lắp đặt bàn ghế, máy móc, trang bị Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định	102.566.000	102.566.000
23	Sửa chữa Trường Chính trị tỉnh, phục vụ làm nhà làm việc tạm thời cho các Ban Đảng của Tỉnh ủy	53.638.000	-
V	Nguồn thu hợp pháp khác	8.400.000	-
VI	Các khoản thu bị xuất toán giảm trừ	-	(99.047.000)
1	Nộp lại NSNN do xuất toán chi phí QLDA và chi phí giám sát (tự làm) của dự án xây dựng mới bệnh viện khu vực - Tiểu dự án San nền mặt bằng	-	(33.043.000)
2	Nộp lại NSNN do xuất toán chi phí Ủy thác QLDA các công trình do Sở Y tế làm chủ đầu tư	-	(13.675.000)
3	Nộp lại NSNN do xuất toán chi phí Ủy thác QLDA công trình Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định	-	(52.329.000)
B	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng		-
C	Nguồn thu được sử dụng trong năm		7.182.032.000

2. Quyết toán các khoản chi:

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Quyết toán	Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>12.781.966.450</u>	<u>3.653.935.025</u>	<u>0</u>
I	Chi thường xuyên	12.631.966.450	3.653.935.025	0
1	Tiền lương	1.934.712.000	1.910.460.054	
2	Chi thu nhập tăng thêm	3.056.089.000		
3	Tiền công	72.000.000	48.600.000	
4	Các khoản phụ cấp lương	354.304.000	106.800.994	

4.1	Phục cấp chức vụ, trách nhiệm, TNVK	104.681.000	103.731.480	
4.2	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	126.623.000	3.069.514	
4.3	Phụ cấp tham gia Ban chỉ đạo dự án Môi trường bền vững TP Quy Nhơn	123.000.000	-	
5	Các khoản trích nộp theo lương	478.788.000	472.606.446	
6	Chi tiền thưởng	201.174.000	-	
7	Chi phúc lợi tập thể	650.503.000	147.846.715	
8	Thanh toán dịch vụ công cộng	300.000.000	160.212.592	
9	Chi mua vật tư văn phòng	204.000.000	114.471.500	
10	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	132.000.000	90.946.647	
11	Chi hội nghị	40.000.000	950.000	
12	Chi công tác phí	400.000.000	241.845.800	
13	Chi thuê mướn	180.000.000	66.782.000	
14	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	-	-	
15	Chi đoàn vào	-	-	
16	Chi sửa chữa tài sản	60.000.000	34.900.000	
17	Chi phí khác	3.387.738.000	257.512.277	
17.1	Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (25%)	1.969.041.000		
17.2	Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập	1.018.697.000		
17.3	Trích lập Quỹ khen thưởng	-		
17.4	Chi các khoản khác	400.000.000	257.512.277	
-	Chi nộp thuế VAT hợp đồng ủy thác QLDA (5%)		126.013.000	
-	Chi các khoản khác		131.499.277	
18	Dự phòng	1.180.658.450	-	
II	Chi không thường xuyên	150.000.000	-	0
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	100.000.000	-	
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	50.000.000	-	
4	Chi thực hiện tình gián biên chế (nếu có)	-	-	
5	Chi khác	-	-	

3. Quyết toán trích lập các Quỹ

STT	Quỹ	Quyết toán
1	Tổng số	3.528.096.975
2	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	882.024.244
3	Quỹ bổ sung thu nhập	2.156.307.717
	<i>Trong đó: chi thu nhập tăng thêm</i>	<i>1.894.962.559</i>
4	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	489.765.014



Phụ lục 3

Phân bổ giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án năm 2018 cho các dự án

(Kèm theo Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh)

Đvt: đồng

STT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ
	Tổng cộng	100,00	7.182.032.000
1	Dự án Trung tâm hội nghị của tỉnh	6,96	500.000.000
2	Dự án Mở rộng Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn	16,32	1.172.009.000
3	Dự án xây dựng mới Nhà hát nghệ thuật truyền thống tỉnh Bình Định	2,78	200.000.000
4	Dự án Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định, HM: Khu điều trị và chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng	2,78	200.000.000
5	Dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án TP. Quy Nhơn	20,89	1.500.000.000
6	Dự án tuyến đường Long Vân - Long Mỹ (Ban QLDA Giao thông chi trả)	2,09	149.835.000
7	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn đã trừ các khoản thuế phải nộp	13,55	972.971.000
-	Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC phục vụ dự án tuyến Quốc lộ 19 trên địa bàn xã Phước Lộc (thôn Phong Tấn) huyện Tuy Phước	3,27	234.517.950
-	Khu TĐC đê đông Nhơn Bình - Phục vụ dự án tuyến quốc lộ 19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao quốc lộ 1A)	5,89	423.063.500
-	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu giám sát và gói thầu xây dựng và thiết bị công trình: Mở rộng trung tâm y tế huyện Hoài Nhơn	1,44	103.083.550
-	Trụ sở PGD Bình Dương trực thuộc Agribank chi nhánh huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	0,54	38.691.600
-	Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	0,46	33.238.600
-	Xây dựng lại trụ cờ gắn với hoa viên dưới chân trụ cờ phía trước nhà làm việc UBND tỉnh	0,30	21.589.700
-	Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc quốc lộ 1D	0,18	12.793.650
-	Tư vấn lập HSYC và phân tích đánh giá HSDX thi công xây dựng công trình: Xây dựng mới nhà 02 tầng, Dự án mở rộng trụ sở Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bình Định	0,10	7.296.000
-	Dự án Sửa chữa Văn phòng làm việc Hội đồng nhân dân tỉnh	1,37	98.696.450



[Handwritten signature]

STT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ
8	Nguồn thu từ hoạt động Ủy thác Quản lý dự án bao gồm các khoản thuế phải nộp	36,01	2.586.264.000
-	Xây dựng trụ sở làm việc Chi cục thuế TP Quy Nhơn	2,91	208.778.000
-	Ủy thác QLDA công trình do Sở Y tế làm chủ đầu tư (Mở rộng Trung tâm Y tế huyện Hoài Nhơn, khu điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ)	2,01	144.252.000
-	Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định	2,48	178.290.000
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2 thuộc khu vực 1, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn	2,64	189.487.000
-	Trường trung học phổ thông chuyên phía Bắc tỉnh	2,15	154.554.000
-	Trường THPT chuyên Chu Văn An; Hạng mục: Ký túc xá, nhà ăn và bếp (thu tạm ứng)	1,39	100.000.000
-	Xây dựng lại trụ cờ gắn với hoa viên dưới chân trụ cờ phía trước nhà làm việc UBND tỉnh	0,14	10.321.000
-	Sửa chữa Văn phòng làm việc Hội đồng nhân dân tỉnh	0,51	36.773.000
-	Mở rộng trụ sở Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bình Định, hạng mục: Xây dựng mới nhà hai tầng	0,35	25.337.000
-	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Chi cục thuế huyện Tuy Phước	4,52	324.406.000
-	Trụ sở làm việc Cục Hải quan tỉnh Bình Định	5,79	416.000.000
-	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc Cục Thống kê tỉnh (thu tạm ứng)	1,21	86.676.000
-	Trụ sở Bảo hiểm xã hội thị xã An Nhơn	1,69	121.717.000
-	Khu tái định cư xã Phước Mỹ, TP Quy Nhơn phục vụ dự án đường phía tây tỉnh (ĐT.638) đoạn KM130+00 - KM137+580	3,19	228.910.000
-	Khu TĐC phường Bùi Thị Xuân, TP Quy Nhơn phục vụ dự án đường phía tây tỉnh (ĐT.638), đoạn KM130+00 - KM137+580	3,21	230.443.000
-	Sửa chữa, trang bị nội thất phòng họp tại tầng 3 Khu nhà B, Văn phòng UBND tỉnh	0,39	27.754.000
-	Đầu tư mua sắm, lắp đặt bàn ghế, máy móc, trang bị Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định	1,43	102.566.000
9	Nguồn thu hợp pháp khác	-	-
10	Các khoản thu bị xuất toán giảm trừ	(1,38)	(99.047.000)

STT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ
-	Nộp lại NSNN do xuất toán chi phí QLDA và chi phí giám sát (tự làm) của dự án xây dựng mới bệnh viện khu vực - Tiểu dự án San nền mặt bằng	(0,46)	(33.043.000)
-	Nộp lại NSNN do xuất toán chi phí Ủy thác QLDA các công trình do Sở Y tế làm chủ đầu tư	(0,19)	(13.675.000)
	+ Bệnh viện Lao và bệnh phổi Bình Định, hạng mục: Cải tạo khoa HIV/AIDS + Điều trị kháng thuốc	(0,05)	(3.792.000)
	+ Bệnh viện Lao và bệnh phổi Bình Định, hạng mục: San nền, sân vườn, hệ thống thoát nước mưa	(0,03)	(1.846.000)
	+ Bệnh viện Tâm thần Bình Định, hạng mục: Hệ thống cấp, thoát nước ngoài nhà, bể nước ngầm và cấp nước cứu hỏa	(0,11)	(8.037.000)
-	Nộp lại NSNN do xuất toán chi phí Ủy thác QLDA công trình Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định	(0,73)	(52.329.000)

ph

ph